

Điểm chuẩn trường Đại Học Sư Phạm Nghệ Thuật Trung Ương năm 2018

Tên trường: Đại Học Sư Phạm Nghệ Thuật Trung Ương

* Ký hiệu trường: GNT

* Địa chỉ: Số 18, ngõ 55, đường Trần Phú, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

* Điện thoại: (024)38544468.

Điểm chuẩn chi tiết các ngành trường Đại Học Sư Phạm Nghệ Thuật Trung Ương năm 2018:

STT	Ngành/chuyên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn	Điểm trúng tuyển
1	ĐHSP Âm nhạc	7140221	N00	29,0
2	ĐHSP Âm nhạc Mầm non	7140221	N00	27,5
3	ĐHSP Mỹ thuật	7140222	H00	28,0
4	ĐHSP Mỹ thuật Mầm non	7140222	H00	28,0
5	ĐH Quản lý văn hóa	7229042	N00, H00, R00	25,0
			C00	15,0
6	ĐH Thiết kế Thời trang	7210404	H00	25,0
7	ĐH Công nghệ may	7540204	H00	25,0
			A00, D01	15,0
8	ĐH Thiết kế Đồ họa	7210403	H00	32,0
9	ĐH Hội họa	7210103	H00	28,0
10	ĐH Thanh nhạc	7210205	N00	31,0
11	ĐH Piano	7210208	N00	32,0
12	ĐH Diễn viên kịch - điện ảnh	7210234	S00	20,0

Lưu ý: Điểm tổ hợp môn C00, A00, D01 thuộc ngành Quản lý văn hóa, Công nghệ may không nhân hệ số. Điểm các ngành còn lại đã nhân hệ số các môn năng khiếu.

Tham khảo điểm chuẩn của các năm trước:

Dữ liệu điểm chuẩn năm 2017:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn	Điểm chuẩn	Ghi chú
1	7140221	Sư phạm Âm nhạc	N00	16	
2	7140222	Sư phạm Mỹ thuật	H00	15.5	
3	7210103	Hội họa	H00	16.5	
4	7210205	Thanh nhạc	N00	19	
5	7210208	Piano	N00	18.5	

Điểm chuẩn trường Đại Học Sư Phạm Nghệ Thuật Trung Ương năm 2018

6	7210234	Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình	S00	17.5	
7	7210403	Thiết kế đồ họa	H00	18	
8	7210404	Thiết kế thời trang	H00	18	
9	7229042	Quản lý văn hoá	C00, H00, N00, R00	15.5	
10	7540204	Công nghệ dệt, may	H00	15.5	

Điểm chuẩn công bố năm 2016:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn	Điểm chuẩn	Ghi chú
1	7220342	Quản lý văn hóa	C00; H00; N00; R00	15	
2	7210404	Thiết kế thời trang	H00	15	
3	7210403	Thiết kế đồ họa	H00	15	
4	7210234	Diễn viên kịch - điện ảnh	S00	15	
5	7210208	Piano	N00	15	
6	7210205	Thanh nhạc	N00	15	
7	7210103	Hội họa	H00	15	
8	7140222	Sư phạm Mỹ thuật	H00	15	
9	7140221	Sư phạm Âm nhạc	N00	15	

Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2018:

Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu		Tổ hợp môn xét tuyển
		KQ thi THPT QG	Học bạ THPT	
7140221	Sư phạm Âm nhạc / Chuyên ngành Sư phạm Âm nhạc mầm non	54	126	Ngữ văn; KTANTH-XÂ/Thẩm âm, Thanh nhạc- nhạc cụ (N00)
7140222	Sư phạm Mỹ thuật / Chuyên ngành Sư phạm Mỹ thuật mầm non	54	126	Ngữ văn, Hình họa, Trang trí (H00)
7229042	Quản lý văn hóa / Chuyên ngành Quản lý văn hóa nghệ thuật, Quản lý văn hóa du lịch	36	84	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý (C00) Ngữ văn, KTANTH-XÂ/Thẩm âm, Thanh nhạc- Nhạc cụ (N00) Ngữ văn, Hình họa, Trang trí (H00) Ngữ văn, Lịch sử, NK nghệ thuật (R00)
7210404	Thiết kế thời trang	36	84	Ngữ văn, Hình họa, Trang trí (H00)
7210403	Thiết kế đồ họa	54	126	Ngữ văn, Hình họa, Trang trí (H00)

Điểm chuẩn trường Đại Học Sư Phạm Nghệ Thuật Trung Ương năm 2018

7210205	Thanh nhạc	18	42	Ngữ văn; KTANTH-XÂ/Thẩm âm, Thanh nhạc (N00)
7210103	Hội họa	6	14	Ngữ văn, Hình họa, Trang trí (H00)
7210208	Piano	9	21	Ngữ văn, KTANTH-XÂ/Thẩm âm, Piano (N00)
7210234	Diễn viên kịch-điện ảnh	12	28	Ngữ văn, Hình thể và tiếng nói, Năng khiếu chuyên ngành (S00)
7540205	Công Nghệ May	30	70	Ngữ văn, Hình họa, Trang trí (H00) Toán, Hình họa, Trang trí (H07)